

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | 15 - 41 |
| 8. Phụ lục | 42 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 614.049.130.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
Fax : (84 - 67) 3891 672
E-mail : vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

| <i>Tên đơn vị</i> | <i>Địa chỉ</i> |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh | 569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Công ty con

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Giấy phép thành lập</i> | <i>Tỷ lệ phần sở hữu</i> |
|--|--|---|--------------------------|
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp | Số 1400604953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 3 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 69,95% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ | Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp. | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| | | | |
|---|--|---|--------|
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp | Số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 99,30% |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 | Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. | Số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 90% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 85% |

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 13.893.640 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013 như sau:

| | |
|---|-----------------------------------|
| - Trích quỹ khen thưởng | 10.522.501.238 VND |
| - Trích quỹ phúc lợi | 4.209.000.495 VND |
| - Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành | 5.000.000.000 VND |
| - Chia cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng cổ phiếu | 138.936.400.000 VND |
| Cộng | <u>158.667.901.733 VND</u> |

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Bà Trương Thị Lệ Khanh | Chủ tịch | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | - |
| Ông Võ Phú Đức | Thành viên | 09 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Jean Eric Jacquemin | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2011 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Bà Trương Tuyết Hoa | Trưởng ban | 09 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Nguyễn Văn Nghệ | Thành viên | 28 tháng 3 năm 2008 | 25 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Phạm Lâm Triều | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2013 | - |
| Bà Hồ Thanh Huệ | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | - |

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|---------------------|----------------------|----------------------|
| Bà Trương Thị Lệ Khanh | Tổng Giám đốc | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Đặng Văn Viễn | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 9 năm 2007 | 01 tháng 7 năm 2013 |
| Bà Trương Tuyết Phương | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 9 năm 2007 | 09 tháng 01 năm 2014 |
| Bà Trương Tuyết Phương | Giám Đốc thu mua | 09 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Trương Tuyết Phương | Giám Đốc nhân sự | 01 tháng 3 năm 2014 | - |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 9 năm 2007 | 09 tháng 01 năm 2014 |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Giám đốc dự án | 09 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Phó Tổng Giám đốc | 15 tháng 5 năm 2008 | 09 tháng 01 năm 2014 |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Giám đốc kinh doanh | 09 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Nguyễn Thị Kim Đào | Giám đốc tài chính | 01 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Hồ Thanh Huệ | Giám đốc sản xuất | 01 tháng 3 năm 2014 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

4498
CÔNG
NHIỆM H
AN VÀ
&
TPH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0435/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

300
CÔ
ACHN
MTC
A
BINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.660.675.423.471 | 2.281.972.775.048 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 73.328.912.771 | 35.542.358.549 |
| 1. Tiền | 111 | | 73.328.912.771 | 35.542.358.549 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 240.977.578 | 738.217.050.780 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 240.977.578 | 738.217.050.780 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 416.902.748.935 | 448.010.688.289 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 358.814.540.235 | 365.052.691.239 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 61.061.119.631 | 65.077.646.858 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 5.594.717.021 | 21.982.821.808 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (8.567.627.952) | (4.102.471.616) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.097.463.537.707 | 982.200.197.516 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.154.642.895.108 | 1.045.613.032.148 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (57.179.357.401) | (63.412.834.632) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 72.739.246.480 | 78.002.479.914 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 4.499.978.448 | 2.246.631.934 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 45.598.213.424 | 38.391.833.023 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 127.746.901 | 352.310.342 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 22.513.307.707 | 37.011.704.615 |

1987

G T

EM HƯ

V A T

2 C

PHỔ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 888.941.372.566 | 791.585.564.649 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 807.040.605.187 | 711.629.848.455 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 605.412.947.516 | 525.169.865.922 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.083.747.762.101 | 897.461.961.711 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (478.334.814.585) | (372.292.095.789) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 86.074.073.974 | 79.005.372.705 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 89.430.154.846 | 81.438.269.366 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (3.356.080.872) | (2.432.896.661) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 115.553.583.697 | 107.454.609.828 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 7.697.000.726 | 9.200.574.651 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 7.697.000.726 | 9.200.574.651 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 74.203.766.653 | 70.755.141.543 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.16 | 48.077.487.614 | 42.234.593.381 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.17 | 3.329.418.949 | 5.937.199.523 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.18 | 22.796.860.090 | 22.583.348.639 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.549.616.796.037 | 3.073.558.339.697 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 993.334.622.290 | 1.668.512.424.780 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 901.954.660.554 | 1.668.512.424.780 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 512.222.635.038 | 1.254.928.310.721 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 84.102.525.240 | 122.717.034.688 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 8.372.038.166 | 8.238.394.638 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 11.873.863.732 | 15.155.559.271 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.23 | 53.270.413.299 | 36.632.280.265 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.24 | 19.912.570.969 | 22.847.648.611 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.25 | 108.043.114.010 | 113.014.525.861 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.26 | 43.100.000.000 | 43.100.000.000 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.27 | 61.057.500.100 | 51.878.670.725 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 91.379.961.736 | - |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.28 | 84.116.433.338 | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | V.29 | 7.263.528.398 | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.467.893.650.986 | 1.328.996.900.367 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.467.893.650.986 | 1.328.996.900.367 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.30 | 614.049.130.000 | 475.112.730.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.30 | 190.492.000.000 | 190.492.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | V.30 | (36.897.215.355) | (36.897.215.355) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | V.30 | 4.233.565.274 | 3.991.224.376 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.30 | 696.016.171.067 | 696.298.161.346 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | V.31 | 88.388.522.761 | 76.049.014.550 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.549.616.796.037 | 3.073.558.339.697 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|--------------|--------------|
| | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 2.361.019,06 | 1.091.851,44 |
| Euro (EUR) | | 273,78 | 284,70 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

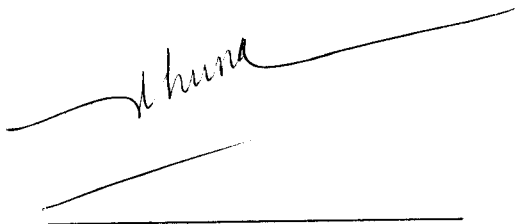
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

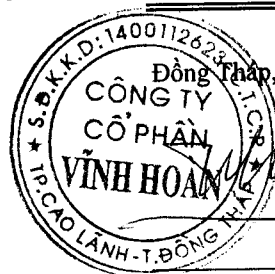
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5.104.982.308.957 | 4.236.484.487.918 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 9.970.397.459 | 8.552.492.043 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 5.095.011.911.498 | 4.227.931.995.875 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 4.491.390.771.560 | 3.680.318.008.967 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 603.621.139.938 | 547.613.986.908 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 93.375.830.680 | 86.205.047.922 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 90.566.596.204 | 66.971.393.139 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 77.556.979.729 | 60.030.070.480 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 247.603.991.011 | 219.313.324.505 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 136.205.793.637 | 85.303.548.346 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 222.620.589.766 | 262.230.768.840 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 14.623.995.133 | 10.226.004.741 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 9.697.712.678 | 2.820.486.975 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 4.926.282.455 | 7.405.517.766 |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh | 45 | | - | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 227.546.872.221 | 269.636.286.606 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.22 | 41.637.653.583 | 36.922.015.839 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | 9.871.308.972 | (29.031.137) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>176.037.909.666</u> | <u>232.743.301.904</u> |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 17.651.998.211 | 22.293.277.148 |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 158.385.911.455 | 210.450.024.756 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>2.579</u> | <u>3.427</u> |



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 227.546.872.221 | 269.636.286.606 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.11, V.12 | 110.824.016.997 | 90.231.675.984 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.8 | (1.793.826.454) | 19.465.373.945 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.3, VI.4 | 2.897.171 | (9.817.814) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.7, VI.8 | (78.863.053.937) | (51.237.020.284) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 77.556.979.729 | 60.030.070.480 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 335.273.885.727 | 388.116.568.917 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 27.594.604.391 | 100.028.533.055 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (107.560.055.218) | (176.860.659.930) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (53.056.995.607) | 6.959.550.648 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (6.458.922.724) | (6.749.211.001) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | V.24, VI.4 | (79.132.794.650) | (59.086.830.316) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.22 | (46.316.451.465) | (59.024.263.310) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 2.345.845.654 | 2.000.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (11.024.837.358) | (15.553.311.379) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 61.664.278.750 | 179.830.376.684 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.11, V.12, V.13, VII | (197.330.850.192) | (221.422.678.451) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 447.160.455 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (200.023.926.798) | (1.171.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 940.540.794.196 | 425.201.033.500 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 95.368.266.329 | 34.028.686.951 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 639.001.443.990 | (933.692.958.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.19, V.28 | 5.626.568.523.538 | 3.856.862.724.588 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.19, V.28 | (6.285.157.765.883) | (3.294.445.021.100) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (4.507.494.000) | (102.437.720.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (663.096.736.345) | 459.979.982.988 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 37.568.986.395 | (293.882.598.328) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 35.542.358.549 | 329.424.956.877 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 217.567.827 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 73.328.912.771 | 35.542.358.549 |

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xây xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo.
- Tổng số các công ty con :** 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|--|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp. | 69,80% | 69,80% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ. | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. | 99,3% | 99,3% |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 | Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. | 100% | 100% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 97,14% | 97,14% |

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 13.893.640 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

0300
CÔ
ÁCH NH
M TOÁ
A
NH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 |

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.813 VND/USD
31/12/2013 : 21.036 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 2.826.153.335 | 2.685.551.236 |
| Tiền gửi ngân hàng | 70.502.759.436 | 32.856.807.313 |
| Cộng | <u>73.328.912.771</u> | <u>35.542.358.549</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn | 169.900.127.143 | 200.083.421.316 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 14.493.504.694 | 28.776.077.519 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 1.333.675.000 | 423.545.000 |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | 173.087.233.398 | 135.769.647.404 |
| Cộng | <u>358.814.540.235</u> | <u>365.052.691.239</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*) | 26.351.448.769 | 62.162.293.766 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 8.681.667.184 | 2.402.529.262 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 | - | 302.000.000 |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | 22.505.377.979 | - |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 3.522.625.699 | 210.823.830 |
| Cộng | <u>61.061.119.631</u> | <u>65.077.646.858</u> |

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu | - | 17.208.333.333 |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 533.043.825 | 3.351.641.760 |
| Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty lương thực Miền Nam - tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 3.235.336.800 | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.826.336.396 | 1.422.846.715 |
| Cộng | <u>5.594.717.021</u> | <u>21.982.821.808</u> |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm | - | 475.628.208 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | - | 3.626.843.408 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 8.567.627.952 | - |
| Cộng | <u>8.567.627.952</u> | <u>4.102.471.616</u> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | |
|---|-----------------------------|
| Số đầu năm | 4.102.471.616 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 4.439.650.777 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo | 25.505.559 |
| Số cuối năm | <u>8.567.627.952</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 11.133.839.418 | 46.753.340.900 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 242.554.338.932 | 145.132.019.750 |
| Công cụ, dụng cụ | 3.674.151.485 | 3.363.914.103 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 377.130.694.031 | 374.549.913.324 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Thành phẩm | 512.713.927.572 | 468.127.880.252 |
| Hàng hóa | 142.717.928 | 251.944.107 |
| Hàng gửi đi bán | 7.293.225.742 | 7.434.019.712 |
| Cộng | <u>1.154.642.895.108</u> | <u>1.045.613.032.148</u> |

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 41 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho Dự phòng thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | |
|--------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 63.412.834.632 |
| Hoàn nhập dự phòng | <u>(6.233.477.231)</u> |
| Số cuối năm | <u>57.179.357.401</u> |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 2.830.964.538 | 1.007.907.670 |
| Chi phí bảo hiểm | 1.669.013.910 | 1.238.724.264 |
| Cộng | <u>4.499.978.448</u> | <u>2.246.631.934</u> |

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tạm ứng (*) | 22.141.201.707 | 33.773.425.015 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 372.106.000 | 3.238.279.600 |
| Cộng | <u>22.513.307.707</u> | <u>37.011.704.615</u> |

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 18.590.712.000 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 370.821.413.702 | 496.475.636.959 | 26.942.349.301 | 3.222.561.749 | 897.461.961.711 |
| Tăng trong năm | 96.270.867.054 | 89.488.608.249 | 6.415.399.703 | 89.843.123 | 192.264.718.129 |
| Mua sắm mới | 24.060.987.685 | 81.986.971.206 | 5.406.821.361 | 81.581.819 | 111.536.362.071 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 71.918.252.129 | 7.109.022.043 | 994.176.685 | - | 80.021.450.857 |
| Tăng khác | 291.627.240 | 392.615.000 | 14.401.657 | 8.261.304 | 706.905.201 |
| Giảm trong năm | (850.451.135) | (4.425.431.132) | (99.692.727) | (603.342.745) | (5.978.917.739) |
| Thanh lý, nhượng bán | (731.466.953) | (983.879.748) | (60.000.000) | - | (1.775.346.701) |
| Chuyển sang công cụ, dụng cụ | (118.984.182) | (3.441.551.384) | (39.692.727) | (603.342.745) | (4.203.571.038) |
| Số cuối năm | <u>466.241.829.621</u> | <u>581.538.814.076</u> | <u>33.258.056.277</u> | <u>2.709.062.127</u> | <u>1.083.747.762.101</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------|
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Khấu hao hết nhưng còn sử dụng | 9.475.390.771 | 60.824.675.947 | 2.661.742.365 | 1.131.845.636 | 74.093.654.719 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 85.333.635.229 | 272.371.052.625 | 12.379.768.769 | 2.207.639.166 | 372.292.095.789 |
| Tăng trong năm | 37.627.659.391 | 68.342.693.891 | 3.487.324.585 | 485.923.738 | 109.943.601.605 |
| Khấu hao trong năm | 37.580.269.980 | 68.342.693.891 | 3.482.524.030 | 480.524.165 | 109.886.012.066 |
| Tăng khác | 47.389.411 | - | 4.800.555 | 5.399.573 | 57.589.539 |
| Giảm trong năm | (285.703.112) | (3.119.733.019) | (85.182.093) | (410.264.585) | (3.900.882.809) |
| Thanh lý, nhượng bán | (181.074.492) | (600.512.444) | (57.499.977) | - | (839.086.913) |
| Chuyển sang công cụ, dụng cụ | (104.628.620) | (2.519.220.575) | (27.682.116) | (410.264.585) | (3.061.795.896) |
| Số cuối năm | 122.675.591.508 | 337.594.013.497 | 15.781.911.261 | 2.283.298.319 | 478.334.814.585 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 285.487.778.473 | 224.104.584.334 | 14.562.580.532 | 1.014.922.583 | 525.169.865.922 |
| Số cuối năm | 343.566.238.113 | 243.944.800.579 | 17.476.145.016 | 425.763.808 | 605.412.947.516 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 378.482.443.854 VND và 180.309.949.349 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 80.553.973.566 | 884.295.800 | 81.438.269.366 |
| Mua trong năm | 7.370.376.200 | 69.000.000 | 7.439.376.200 |
| Đầu tư xây dựng hoàn thành | 567.330.000 | - | 567.330.000 |
| Giảm khác | - | (14.820.720) | (14.820.720) |
| Số cuối năm | 88.491.679.766 | 938.475.080 | 89.430.154.846 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 468.773.790 | 468.773.790 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.758.233.137 | 674.663.524 | 2.432.896.661 |
| Khấu hao trong năm | 862.282.005 | 75.722.926 | 938.004.931 |
| Giảm khác | - | (14.820.720) | (14.820.720) |
| Số cuối năm | 2.620.515.142 | 735.565.730 | 3.356.080.872 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 78.795.740.429 | 209.632.276 | 79.005.372.705 |
| Số cuối năm | 85.871.164.624 | 202.909.350 | 86.074.073.974 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 36.183.027.315 VND và 13.404.812.099 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển | Số cuối năm |
|---|------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------|
| | | | vào TSCĐ trong năm | |
| Mua sắm TSCĐ | 53.260.584.086 | 103.204.552.261 | (77.457.356.105) | 79.007.780.242 |
| XDCB dở dang | 54.194.025.742 | 62.940.558.570 | (80.588.780.857) | 36.545.803.455 |
| Chi phí cho các ao nuôi cá | 14.292.825.909 | 16.241.726.332 | (28.020.934.919) | 2.513.617.322 |
| Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 2) | 35.031.259.255 | 9.754.486.597 | (44.785.745.852) | - |
| Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 5) | - | 21.728.553.127 | - | 21.728.553.127 |
| Xây dựng cơ bản dở dang khác | 4.869.940.578 | 15.215.792.514 | (7.782.100.086) | 12.303.633.006 |
| Cộng | 107.454.609.828 | 166.145.110.831 | (158.046.136.962) | 115.553.583.697 |

14. Đầu tư vào công ty con

| Tên công ty | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết | |
|---|--|---------------------|-----------------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾ | Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản | 100.000.000.000 VND | 69,80% | 69,80% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾ | Kinh doanh mặt hàng thủy sản | 499,912.00 USD | 100% | 100% |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | Kinh doanh các mặt hàng lương thực | 100.000.000.000 VND | 99,30% | 99,37% |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv) | Kinh doanh các mặt hàng lương thực | 80.000.000.000 VND | 100% | 100% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v) | Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen | 80.000.000.000 VND | 97,14% | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400604953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 3 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 7 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 67.971.798.868 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 28.201.132 VND.

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|------------------|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 32.317.994.248 | 16.787.980.678 | (10.379.007.348) | 38.726.967.578 |
| Tiền thuê đất | 9.916.599.133 | - | (2.251.517.635) | 7.665.081.498 |
| Chi phí khác | - | 1.685.438.538 | - | 1.685.438.538 |
| Cộng | 42.234.593.381 | 18.473.419.216 | (12.630.524.983) | 48.077.487.614 |

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

| | |
|---------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 5.937.199.523 |
| Hoàn nhập trong năm | (2.607.780.574) |
| Số cuối năm | 3.329.418.949 |

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 512.222.635.038 | 1.254.928.310.721 |
| - Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang ⁽¹⁾ | 3.200.000.000 | - |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp | - | 41.656.000.000 |

34498
ÔNG
NHIỆM
DÂN VÀ
&
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|---------------------------------|
| - Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 441.269.864.823 | 1.055.450.122.563 |
| - Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh | - | 129.825.647.941 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 67.752.770.215 | 27.996.540.217 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - |
| Cộng | <u>512.222.635.038</u> | <u>1.254.928.310.721</u> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản cố định thuộc phân xưởng 3.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 trị giá 41 tỷ đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

| | |
|-----------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 1.254.928.310.721 |
| Số tiền vay phát sinh | 5.497.452.090.200 |
| Số tiền vay đã trả | (6.240.157.765.883) |
| Số cuối năm | <u>512.222.635.038</u> |

20. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn | 56.258.226.361 | 71.172.964.175 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 25.582.110.871 | 46.580.235.141 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 1.974.294.510 | 4.960.689.085 |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | 3.155.394 | 3.146.287 |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | 284.738.104 | - |
| Cộng | <u>84.102.525.240</u> | <u>122.717.034.688</u> |

21. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn | 5.533.629.938 | 8.172.039.188 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 51.529.416 | 66.355.450 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 1.801.610.000 | - |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | 985.268.812 | - |
| Cộng | <u>8.372.038.166</u> | <u>8.238.394.638</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 9.478.897.784 | (8.403.984.764) | 1.074.913.020 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 42.176.700 | 40.683.271.768 | (40.725.448.468) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu ⁽¹⁾ | (300.710.342) | 522.869.079 | (349.905.638) | (127.746.901) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp ¹ | 13.852.114.367 | 41.637.653.583 | (45.613.873.481) | 9.875.894.469 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.261.268.204 | 3.681.684.314 | (4.019.896.275) | 923.056.243 |
| Thuế nhà đất | - | 2.091.102.482 | (2.091.102.482) | - |
| Các loại thuế khác ⁽¹⁾ | (51.600.000) | 928.171.904 | (876.571.904) | - |
| Cộng | 14.803.248.929 | 99.023.650.914 | (102.080.783.012) | 11.746.116.831 |

⁽¹⁾ Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 237.711.705 | 1.813.526.626 |
| Tiền thuê đất phải trả | - | 2.659.206.667 |
| Chi phí phải trả cho luật sư | - | 5.165.344.000 |
| Chi phí vận chuyển | 14.431.569.893 | 8.507.772.192 |
| Chi phí khác | 5.243.289.371 | 4.701.799.126 |
| Cộng | 19.912.570.969 | 22.847.648.611 |

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 7.549.230.208 | 6.172.989.756 |
| Cổ tức phải trả | 3.033.256.000 | 28.260.000 |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 3.975.834.292 | 1.983.775.356 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 92.059.995.316 | 103.191.208.579 |
| Các khoản phải trả khác | 1.424.798.194 | 1.638.292.170 |
| Cộng | 108.043.114.010 | 113.014.525.861 |

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | |
|---------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 51.878.670.725 |
| Trích quỹ trong năm | 19.731.501.733 |
| Chi quỹ trong năm | (10.552.672.358) |
| Số cuối năm | 61.057.500.100 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn:

| | |
|------------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | - |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 42.058.216.669 |
| Trên 05 năm | 42.058.216.669 |
| Tổng nợ | 84.116.433.338 |

Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|--------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 129.116.433.338 |
| Số tiền vay đã trả | (45.000.000.000) |
| Số cuối năm | 84.116.433.338 |

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | |
|---------------------|----------------------|
| Số đầu năm | - |
| Phát sinh trong năm | 7.263.528.398 |
| Số cuối năm | 7.263.528.398 |

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 138.936.400.000 VND. Ngày 04 tháng 7 năm 2013 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 614.049.130.000 VND.

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 61.404.913 | 47.511.273 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 61.404.913 | 47.511.273 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 61.404.913 | 47.511.273 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.198.750 | 1.198.750 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 1.198.750 | 1.198.750 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 60.206.163 | 46.312.523 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 60.206.163 | 46.312.523 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND và do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm trong giai đoạn xây dựng để hình thành Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

| | |
|---|------------------------------|
| Số đầu năm | 76.049.014.550 |
| Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm | 2.200.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | 17.651.998.211 |
| Trừ lợi nhuận đã chia | <u>(7.512.490.000)</u> |
| Cộng | <u>88.388.522.761</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tổng doanh thu | 5.104.982.308.957 | 4.236.484.487.918 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 290.992.887.225 | 203.089.247.769 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 4.188.025.878.597 | 3.432.923.738.910 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 30.146.735.045 | 38.243.990.289 |
| - Doanh thu bán nguyên vật liệu | 51.592.162.458 | 81.751.521.063 |
| - Doanh thu phế phẩm | 544.224.645.632 | 480.475.989.887 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (9.970.397.459) | (8.552.492.043) |
| - Giảm giá hàng bán | (2.762.178.639) | (4.777.634.528) |
| - Hàng bán bị trả lại | <u>(7.208.218.820)</u> | <u>(3.774.857.515)</u> |
| Doanh thu thuần | <u>5.095.011.911.498</u> | <u>4.227.931.995.875</u> |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa | 290.985.226.425 | 203.084.901.242 |
| - Doanh thu thuần bán thành phẩm | 4.179.896.005.938 | 3.424.418.489.110 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 30.146.735.045 | 38.243.990.289 |
| - Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu | 51.592.162.458 | 81.751.521.063 |
| - Doanh thu thuần phế phẩm | 542.391.781.632 | 480.433.094.171 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa | 255.130.869.600 | 160.437.060.708 |
| Giá vốn của thành phẩm | 3.664.574.087.635 | 3.014.947.227.214 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 811.141.817 | - |
| Giá vốn của nguyên vật liệu | 46.857.241.204 | 70.448.812.246 |
| Giá vốn của phế phẩm | 530.250.908.535 | 416.568.017.125 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | <u>(6.233.477.231)</u> | <u>17.916.891.674</u> |
| Cộng | <u>4.491.390.771.560</u> | <u>3.680.318.008.967</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 67.214.166.858 | 40.822.351.097 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 345.032.716 | 734.889.968 |
| Lãi cho vay | 1.037.220.271 | 1.481.121.734 |
| Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu | 8.084.392.029 | 5.343.753.008 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 2.861.374.109 | 3.589.794.445 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 9.831.757 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 13.833.644.697 | 34.223.305.913 |
| Cộng | <u>93.375.830.680</u> | <u>86.205.047.922</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 77.556.979.729 | 60.030.070.480 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 2.897.171 | 13.943 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 13.006.719.304 | 6.941.308.716 |
| Cộng | <u>90.566.596.204</u> | <u>66.971.393.139</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 6.323.312.493 | 6.755.965.507 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 5.879.489.270 | 448.974.084 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 350.077.863 | 179.644.020 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 141.668.573.045 | 180.091.516.484 |
| Chi phí khác | 93.382.538.340 | 31.837.224.410 |
| Cộng | <u>247.603.991.011</u> | <u>219.313.324.505</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 33.849.663.599 | 34.738.102.649 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.331.534.454 | 1.397.341.580 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 9.024.524.570 | 7.333.732.095 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.841.742.319 | 3.875.702.789 |
| Chi phí dự phòng | 5.160.997.797 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 60.459.635.879 | 8.252.368.375 |
| Chi phí khác | 24.537.695.019 | 29.706.300.858 |
| Cộng | <u>136.205.793.637</u> | <u>85.303.548.346</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 447.160.455 | - |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc | - | 2.691.805.748 |
| Các khoản nợ không phải trả | 769.204.074 | 5.891.101.418 |
| Thu nhập khác | 13.407.630.604 | 1.643.097.575 |
| Cộng | <u>14.623.995.133</u> | <u>10.226.004.741</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 781.259.785 | - |
| Chi phí khác | 8.916.452.893 | 2.820.486.975 |
| Cộng | <u>9.697.712.678</u> | <u>2.820.486.975</u> |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|----------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 7.263.528.398 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 2.607.780.574 | (29.031.137) |
| Cộng | <u>9.871.308.972</u> | <u>(29.031.137)</u> |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 158.385.911.455 | 210.450.024.756 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 158.385.911.455 | 210.450.024.756 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*) | 61.404.913 | 61.404.913 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>2.579</u> | <u>3.427</u> |

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 47.511.273 | 47.151.273 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối | 13.893.640 | 14.253.640 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>61.404.913</u> | <u>61.404.913</u> |

Năm 2013 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30%. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.544 VND xuống còn 3.427 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------|------------------|
| Mua tài sản cố định chưa thanh toán | 3.867.892.996 | 6.357.087.687 |
| Ứng trước mua tài sản cố định | 49.679.210.836 | 62.556.487.002 |
| Tặng vốn bằng cổ tức | 138.936.400.000 | - |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Hội đồng quản trị và Ban điều hành | | |
| Mua nguyên vật liệu | - | 19.125.410.600 |
| Mượn tiền | 12.000.000.000 | - |
| Các cá nhân có liên quan | | |
| Mua nguyên vật liệu | 8.728.045.580 | 37.042.774.600 |
| Bán hàng hóa | 286.575.046 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Hội đồng quản trị và Ban điều hành | 20.000.000 | 18.361.247.350 |
| Cộng nợ phải thu | 20.000.000 | 18.361.247.350 |
| Hội đồng quản trị và Ban điều hành | - | 348.033.320 |
| Các cá nhân có liên quan | 825.795.280 | 5.019.916.900 |
| Cộng nợ phải trả | 825.795.280 | 5.367.950.220 |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.562.601.000 VND (năm trước là 6.445.976.539 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--|
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 15.220.293.850 | 16.145.142.148 |
| Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ | 2.691.393.580 | 156.079.430 |
| Bán thành phẩm | 7.333.632.440 | 6.684.201.000 |
| Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu | 6.925.802.687 | 11.235.097.037 |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 21.175.449.035 | 18.453.566.762 |
| Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 1.255.289.269 | 825.398.070 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 43.871.244.023 | 12.614.035.390 |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 571.859.214.216 | 581.608.970.607 |
| Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 110.092.097.087 | 79.673.059.877 |
| Phải thu lãi ứng tiền hàng | 224.913.780 | - |
| Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 28.012.611.820 | 37.286.814.418 |
| Bán thành phẩm | 242.910.194.480 | 286.463.111.300 |
| Thu hộ tiền hàng | - | 56.700.000 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | | |
| Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 533.043.825 | 3.351.641.760 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu | - | 1.748.081.409 |
| Cộng nợ phải thu | <u>533.043.825</u> | <u>5.099.723.169</u> |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | | |
| Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 3.975.834.292 | 1.983.775.356 |
| Phải trả tiền hàng | 2.556.362.241 | 1.594.842.653 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 92.059.995.316 | 103.191.208.579 |
| Phải trả tiền hàng | 6.318.544.967 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>104.910.736.816</u> | <u>106.769.826.588</u> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Xuất khẩu | 4.146.414.409.163 | 3.344.556.221.986 |
| Trong nước | 948.597.502.335 | 883.375.773.889 |
| Cộng | <u>5.095.011.911.498</u> | <u>4.227.931.995.875</u> |

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 2.969.689.556 | 3.011.248.260 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 4.836.035.856 | 6.574.085.807 |
| Trên 05 năm | 11.797.923.003 | 13.006.931.967 |
| Cộng | <u>19.603.648.415</u> | <u>22.592.266.034</u> |

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 73.328.912.771 | - | - | - | 73.328.912.771 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 240.977.578 | - | - | - | 240.977.578 |
| Phải thu khách hàng | 345.906.753.925 | - | 3.696.445.920 | 9.211.340.390 | 358.814.540.235 |
| Các khoản cho vay | 7.697.000.726 | - | - | - | 7.697.000.726 |
| Các khoản phải thu khác | 95.480.234.375 | - | - | - | 95.480.234.375 |
| Cộng | 522.653.879.376 | - | 3.696.445.920 | 9.211.340.390 | 535.561.665.685 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.542.358.549 | - | - | - | 35.542.358.549 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 738.217.050.780 | - | - | - | 738.217.050.780 |
| Phải thu khách hàng | 358.767.566.408 | - | - | 6.285.124.831 | 365.052.691.239 |
| Các khoản cho vay | 9.200.574.651 | - | - | - | 9.200.574.651 |
| Các khoản phải thu khác | 48.166.018.072 | - | - | - | 48.166.018.072 |
| Cộng | 1.189.893.568.460 | - | - | 6.285.124.831 | 1.196.178.693.291 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 512.460.346.743 | 42.058.216.669 | 42.058.216.669 | 596.576.780.081 |
| Phải trả người bán | 84.102.525.240 | - | - | 84.102.525.240 |
| Các khoản phải trả khác | 228.395.398.022 | - | - | 228.395.398.022 |
| Cộng | 824.958.270.005 | 42.058.216.669 | 42.058.216.669 | 909.074.703.343 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.256.741.837.347 | - | - | 1.256.741.837.347 |
| Phải trả người bán | 122.717.034.688 | - | - | 122.717.034.688 |
| Các khoản phải trả khác | 127.875.658.090 | - | - | 127.875.658.090 |
| Cộng | 1.507.334.530.125 | - | - | 1.507.334.530.125 |

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|----------------------|---------------|--------------------|------------------------|---------------|--------------------|
| | USD | EUR | GBP | USD | EUR | GBP |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.361.019,06 | 273,78 | - | 1.091.851,44 | 284,70 | - |
| Phải thu khách hàng | 15.144.443,25 | - | - | 15.378.852,14 | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.279.717,47 | - | - | 1.316.657,71 | - | - |
| Vay và nợ | - | - | - | (48.822.297,07) | - | - |
| Phải trả người bán | (237.567,90) | - | - | (160.568,32) | - | - |
| Các khoản phải trả khác | (5.287.699,76) | - | (84.048,26) | (5.629.931,26) | - | (86.753,63) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 13.259.912,12 | 273,78 | (84.048,26) | (36.825.435,36) | 284,70 | (86.753,63) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 5.578.710.227 VND (năm trước giảm/tăng 15.715.900.480 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và GBP đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------|-------------------|-----|-------------------|-----------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Vay và nợ | (596.339.068.376) | - | (238.057.507.346) | (48.822.297,07) |
| Nợ phải trả thuần | (596.339.068.376) | - | (238.057.507.346) | (48.822.297,07) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 11.926.781.368 VND (năm trước giảm/ 4.761.150.147 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị ghi sổ là 600 tỷ VND.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 73.328.912.771 | - | 35.542.358.549 | - | 73.328.912.771 | 35.542.358.549 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 240.977.578 | - | 738.217.050.780 | - | 240.977.578 | 738.217.050.780 |
| Phải thu khách hàng | 358.814.540.235 | (8.567.627.952) | 365.052.691.239 | (4.102.471.616) | 350.246.912.283 | 360.950.219.623 |
| Các khoản cho vay | 7.697.000.726 | - | 9.200.574.651 | - | 7.697.000.726 | 9.200.574.651 |
| Các khoản phải thu khác | 95.480.234.375 | - | 48.166.018.072 | - | 95.480.234.375 | 48.166.018.072 |
| Cộng | 535.561.665.685 | (8.567.627.952) | 1.196.178.693.291 | (4.102.471.616) | 526.994.037.733 | 1.192.076.221.675 |

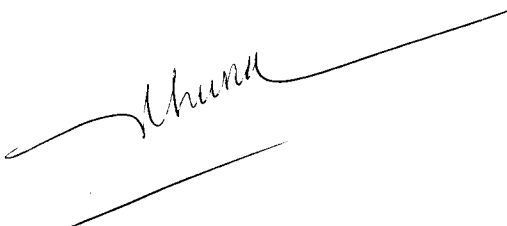
Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Vay và nợ | 596.339.068.376 | 1.254.928.310.721 | 596.339.068.376 | 1.254.928.310.721 |
| Phải trả người bán | 84.102.525.240 | 122.717.034.688 | 84.102.525.240 | 122.717.034.688 |
| Các khoản phải trả khác | 228.633.109.727 | 129.689.184.716 | 228.633.109.727 | 129.689.184.716 |
| Cộng | 909.074.703.343 | 1.507.334.530.125 | 909.074.703.343 | 1.507.334.530.125 |

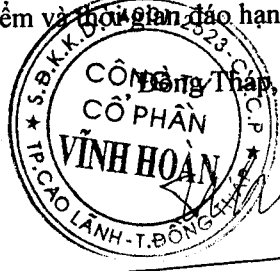
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.


Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

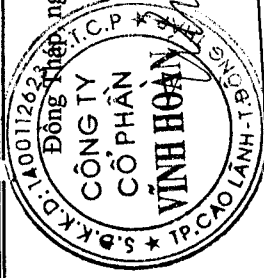
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|------------------|--------------------------|
| | | | | | | Cộng | |
| Số dư đầu năm trước | 471.512.730.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 3.991.224.376 | 613.942.189.127 | | 1.243.040.928.148 |
| Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên | 3.600.000.000 | - | - | - | (3.600.000.000) | | - |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 210.450.024.756 | | 210.450.024.756 |
| Tăng khác | - | - | - | - | 15.000.000 | | 15.000.000 |
| Trích quỹ trong năm trước | - | - | - | - | (32.604.006.537) | | (32.604.006.537) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (91.905.046.000) | | (91.905.046.000) |
| Số dư cuối năm trước | 475.112.730.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 3.991.224.376 | 696.298.161.346 | | 1.328.996.900.367 |
| Số dư đầu năm nay | 475.112.730.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 3.991.224.376 | 696.298.161.346 | | 1.328.996.900.367 |
| Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu | 138.936.400.000 | - | - | - | (138.936.400.000) | | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 158.385.911.455 | | 158.385.911.455 |
| Trích quỹ trong năm | - | - | - | - | (19.731.501.734) | | (19.731.501.734) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo | - | - | - | - | - | | - |
| Số dư cuối năm nay | 614.049.130.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 4.233.565.274 | 696.016.171.067 | | 1.467.893.650.986 |

Đã kiểm tra, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Hà Thị Phương Thủy

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

